

Số: 308/2026/QĐST-HNGĐ

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 560/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026 giữa:

-Nguyên đơn: Chị **Lương Kim H**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **TDP V, phường V, tỉnh Bắc Ninh**.

CCCD số: 093182000723 do **Bộ C1** cấp ngày 26/3/2021.

-Bị đơn: Anh **Đỗ Viết C**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **TDP V, phường V, tỉnh Bắc Ninh**.

CCCD số: 024080017960 do **Bộ C1** cấp ngày 17/8/2022.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lương Kim H** và anh **Đỗ Viết C**.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con chung: Chị **Lương Kim H** và anh **Đỗ Viết C** thống nhất giao 02 con chung là cháu **Đỗ Ngọc Anh T**, sinh ngày 15/4/2015, cháu **Đỗ Viết Đ**, sinh ngày 30/5/2022

cho anh **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu **Đỗ Thị Ngọc T1** đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lương Kim H** và anh **Đỗ Viết C** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **H** có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở chị **H** thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất chung, công sức: Chị **Lương Kim H** và anh **Đỗ Viết C** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Lương Kim H** và anh **Đỗ Viết C** thống nhất thỏa thuận chị **Lương Kim H** tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001503 ngày 12/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh, chị **H** được hoàn trả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được ban hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 2 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh
- UBND xã Hòa Mỹ, thành phố Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN



Nguyễn Văn Trường

